TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HS-ST
Ngày: 19-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Việt, ông Trần Ngọc Đổi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2025/TLST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/HSST-QĐ ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn T (tên gọi khác: Năm)**, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1995 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê B và bà Nguyễn Thị Kiều Mộng T1; vợ, con: chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 88/2018/HS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2021 và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện nay đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn H, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1987 tại tỉnh Bình Thuận; nơi trú cư trú: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thị L, cha: không rõ; vợ; con: chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 21/2005/HSST ngày 17/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/11/2007 và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Tại Bản án số 53/2013/HSST ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/13/2016 và đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1997 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con bà Phạm Thị M (đã chết), cha: không rõ; vợ; con: chưa có.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/9/2024 đến ngày 26/9/2024 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Ngọc L1, sinh năm 1995 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 12 giờ 10 phút ngày 17/9/2024, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại nhà của Nguyễn H (Tên thường gọi là H1), sinh năm 1987, trú tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận có các đối tượng tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy. Đội Cảnh sát Kinh tế - Ma túy công an huyện B phối hợp với công an xã P tiến hành kiểm tra tại nhà của Nguyễn H. Tại thời điểm kiểm tra có Trần Quốc L2, sinh năm1995, trú tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, Lê Văn T (Tên thường gọi là N), sinh năm 1995, trú tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1997, trú tại thôn B,

xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Qua kiểm tra, công an phát hiện trên xô nhựa màu trắng để trong nhà của H có 01 túi nylon màu trắng có khóa kéo kích thước (7,5 x04)cm, bên trong túi nylon có chứa chất tinh thể, dạng rắn, màu trắng chưa xác định khối lượng và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 bình nhựa màu trắng cao 09cm có gắn nắp màu hồng, bên trên nắp có đục hai lỗ, một lỗ có gắn đoạn ống hút nhựa màu đen dài 20 cm và một lỗ gắn 01 đoạn ống thủy tinh được uốn cong thổi phình một đầu, bên trong không chứa gì. Điễu, H và T đều khai nhận chất tinh thể dạng rắn, màu trắng bên trong túi nylon màu trắng có khóa kéo kích thước (7,5 x04)cm là ma túy đá của H và T góp tiền, mỗi người 100.000 đồng đưa cho Đ đi đến thị trấn Phan Rí C mua về mục đích cất giấu để sử dụng, còn bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là của T. Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tang vật.

Công an thu giữ của Đ 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0567658610, 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số 86S2-2932; thu giữ của Toán 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme màu xanh, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0373503370, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; thu giữ của L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có gắn sim số 0948949129; thu giữ của H 01 bật lửa màu vàng đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài 11cm.

Kết luận giám định số 1204/KLGD ngày 25/9/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, Xác định: Gói nhựa đưa đi giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,4469 gam.

Phòng K1 Công an tỉnh B hoàn lại: 01 gói nylon màu trắng, có khóa kéo, kích thước khoảng (7,5 x 04)cm và 0,4256 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1204, có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B.

Quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận: Tối ngày 16/9/2024, T đến căn chòi của Đỗ Ngọc K, sinh năm 1999 (HKTT: thôn B, xã P, huyện B) ở thôn B, xã P, huyện B. Lúc này tại chòi không có K mà có Trần Quốc L2. Toán và L2 nói chuyện một lúc thì có 02 thanh niên (không rõ lai lịch) là bạn của T đi đến lấy ra 01 bịch ma túy và 01 ống thủy tinh được uốn cong thổi phình 01 đầu rủ T và L2 sử dụng ma túy. Toán đi lấy bình sử dụng ma túy đã chuẩn bị sẵn ra. Có 01 thanh niên lấy ống thủy tinh gắn vào bình sử dụng ma túy, rồi đổ ma túy vào bình để sử dụng. Toán, L2 và 02 thanh niên (không rõ lai lịch) cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/09/2024, sau khi ngủ dậy T đi từ chòi của K và mang theo 01 bình sử dụng ma túy bên trong có sẵn ma túy đá mà T sử dụng vào tối ngày 16/9/2024 còn lại đi đến nhà Nguyễn H để sử dụng ma túy. Thấy H đang ngủ nên T gọi H dậy và rủ H sử dụng ma túy đá thì Hòa đồng Ý. Khi T và H đang sử dụng ma túy thì có Nguyễn Thành Đ đi tới. Điễu xin T và H cho sử dụng ma

túy cùng thì T và Hòa đồng Ý. Sau khi sử dụng ma túy xong thì T nhờ Đ mang đồ lên chợ giúp mẹ của T. Điễu đi đưa đồ cho mẹ T xong thì quay về lại nhà của H. T và H rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng. Toán và H góp mỗi người 100.000 đồng đưa cho Đ để Đ đi mua ma túy về sử dụng. Điễu vừa đi thì có Trần Quốc L2 đến nói chuyện chơi với T và H. Điễu đi khoảng 1 tiếng thì quay lại nhà của H và lấy từ trong túi quần ra 01 (một) túi nylong bên trong có ma túy đá để trên xô nhựa màu trắng thì có lực lượng công an đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Nguyễn H, Nguyễn Thành Đ và Trần Quốc L2 đều thừa nhận nội dung vụ việc như trên phù hợp với lời khai của T.

Đối với Đỗ Ngọc K không biết việc T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại chòi của mình, Trần Ngọc L1 không tham gia tổ chức và tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với 02 thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) và người bán ma túy cho Đ, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh.

Về tang, vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số 86S2-2932 qua xác minh xe mô tô trên có số khung là RLGKA11ADBD039036 và số máy VMVUAAD039036 do Huỳnh Thị Như N2 (sinh năm: 1990, trú tại: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận) đứng tên chủ sở hữu và được đăng ký biển số là 86B2-061.99. N2 cho em trai là Huỳnh Quốc C1 (sinh năm:1997, trú tại: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận) mượn để sử dụng dùng làm phương tiện đi lại và trong quá trình sử dụng C1 đã làm mất biển số 86B2-061.99, do chưa làm lại được biển số bị mất nên C1 nhặt được biển số 86S2-2932 và gắn vào xe mô tô trên để sử dụng tạm thời. Đến ngày 17/9/2024, C1 cho Nguyễn Thành Đ mượn xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số 86S2-2932. Việc Đ sử dụng xe mô tô trên để đi mua ma túy thì C1 và N2 đều không biết. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho N2.

Đối với biển số xe 86S2-2932 là của Lưu Thị Mỹ H2, sinh năm 1964, ở khu phố X, thị trấn C, huyện B. Bà H2 khai đã làm rơi mất biển số xe 86S2-2932, bà H2 không sử dụng biển số trên nên yêu cầu tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0567658610, 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme màu xanh, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0373503370, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có gắn sim số 0948949129, 01 bật lửa màu vàng đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài 11cm, biển số 86S2-2932 và 01 gói nylon màu trắng, có khóa kéo, kích thước khoảng (7,5 x4)cm và 0,4256 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1204, có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B đã chuyển vào kho vật chứng của Chi cục thi hành hành án dân sự huyện B.

Về phần dân sự: Không.

Tại Bản Cáo trạng số 25/CT-VKSBB ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận truy tố các bị cáo:

Lê Văn T về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn H về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thành Đ về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn H đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thành Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T với mức án từ 1 (một) năm đến 1 (năm) 6 (sáu) tháng về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và từ 8 (tám) năm đến 9 (chín) năm về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt

với mức án từ 9 (chín) năm đến 10 (mười) năm 6 (sáu) tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn H với mức án từ 1 (một) năm đến 1 (một) năm 6 (sáu) tháng về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" và từ 7 (bảy) năm đến 8 (tám) năm về tội: *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt với mức án từ 8 (tám) năm đến 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ với mức án từ 1 (một) năm đến 1 (một) năm 6 (sáu) tháng về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về tang, vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0567658610 trả lại cho Nguyễn Thành Đ.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme màu xanh, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0373503370 trả lại cho Lê Văn T

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có gắn sim số 0948949129 trả lại cho Trần Quốc L2.

Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 bật lửa màu vàng đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài 11cm, biển số 86S2-2932 và 01 gói nylon màu trắng, có khóa kéo, kích thước khoảng (7,5 x 04)cm và 0,4256 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1204, có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B đề nghị tịch thu tiêu hủy

Các bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Các bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện B đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết trong vụ án. Do đó, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc L2.

[2] Về căn cứ xác định tội danh và buộc tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, các vật chứng đã thu giữ và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 16 và ngày 17/9/2024, tại thôn B, xã P, huyện B, L 02 lần cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho Trần Quốc L2, Nguyễn H và 02 thanh niên (không rõ lai lịch) sử dụng ma túy đá, Nguyễn H sử dụng nơi ở của mình để cho Lê Văn T và Nguyễn Thành Đ sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, Lê Văn T và Nguyễn H còn góp mỗi người 100.000 đồng đưa cho Nguyễn Thành Đ đi mua 0,4469 gam methamphetamine về cất giấu để sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật, cụ thể:

Hành vi 02 lần cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho Trần Quốc L2, Nguyễn H và 02 thanh niên (không rõ lai lịch) sử dụng ma túy đá và góp tiền với Nguyễn H mua 0,4469 gam methamphetamine cất giấu để sử dụng của Lê Văn T đã phạm vào tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với 02 tình tiết định khung "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Đối với 02 người trở lên" và tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi sử dụng nơi ở của mình để cho Lê Văn T và Nguyễn Thành Đ sử dụng trái phép chất ma túy và góp tiền với Lê Văn T mua 0,4469 gam methamphetamine cất giấu để sử dụng nêu trên của Nguyễn H đã phạm vào tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" với tình tiết định khung "Đối với 02 người trở lên" và tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi giúp Lê Văn T và Nguyễn H mua 0,4469 gam Methamphetamine cất giấu để sử dụng nêu trên của Nguyễn Thành Đ đã phạm vào tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản cáo trạng số 25/CT-VKSBB ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình đã truy tố bị cáo Lê Văn T, Nguyễn H, Nguyễn Thành Đ về các tội danh nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhận thức hành vi, tính chất phạm tội: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn H, Nguyễn Thành Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người, sự phát triển giống nòi của dân tộc và là một trong những căn nguyên làm phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội, các bị cáo cũng nhận thức được ma túy là chất gây nghiện bị Nhà nước nghiêm cấm và nghiêm khắc xử lý đối với mọi hành vi tổ chức, tàng trữ trái phép chất ma túy…nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả pháp lý. Rõ ràng hành vi

tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy của Lê Văn T, Nguyễn H và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Nguyễn Thành Đ là hành vi cố ý, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hơn nữa còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Hiện nay, tình hình tội phạm về ma túy đang có xu hướng phức tạp gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Vụ án tàng trữ trái phép chất ma túy có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó Lê Văn T và Nguyễn H có vai trò là khởi xướng, rủ rê, Nguyễn Thành Đ có vai trò giúp sức nên phải chịu trách nhiệm chung việc tàng trữ trái phép 0,4469 gam methamphetamine để sử dụng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thể hiện sự thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Lê Văn T và Nguyễn H có nhân thân xấu, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo nguy hiểm hơn nên sẽ chịu mức án nặng hơn so với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng cần phải xử lý và áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; đồng thời giáo dục những người khác tôn trọng pháp luật và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Xét đề nghị của Kiểm sát viên, về áp dụng điều luật, tội danh và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo có căn cứ, phù hợp nên được hội đồng xét xử chấp nhận

[7] Đối với Đỗ Ngọc K không biết việc T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại chòi của mình nên Cơ quan điều tra không xử lý K là phù hợp. Đối với 02 thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) và người bán ma túy cho Đ, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa xác định được nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh xử lý sau là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số 86S2-2932 qua xác minh xe mô tô trên có số khung là RLGKA11ADBD039036 và số máy VMVUAAD039036 do Huỳnh Thị Như N2 (sinh năm: 1990, trú tại: thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận) đứng tên chủ sở hữu và được đăng ký

biển số là 86B2-061.99. N2 cho em trai là Huỳnh Quốc C1 (sinh năm:1997, trú tại: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận) mượn để sử dụng dùng làm phương tiện đi lại và trong quá trình sử dụng C1 đã làm mất biển số 86B2-061.99, do chưa làm lại được biển số bị mất nên C1 nhặt được biển số 86S2-2932 và gắn vào xe mô tô trên để sử dụng tạm thời. Đến ngày 17/9/2024, C1 cho Nguyễn Thành Đ mượn xe mô tô hiệu SYM, loại Attila, màu đỏ, biển số 86S2-2932. Việc Đ sử dụng xe mô tô trên để đi mua ma túy thì C1 và N2 đều không biết. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe cho N2 là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Đối với biển số xe 86S2-2932 là của Lưu Thị Mỹ H2, sinh năm 1964, ở khu phố X, thị trấn C, huyện B. Bà H2 khai đã làm rơi mất biển số xe 86S2-2932, bà H2 không sử dụng biển số trên nữa nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen, màn hình cảm ứng,

có gắn sim số 0567658610 của Điễu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme màu xanh, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0373503370 của Toán; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có gắn sim số 0948949129 của H. Các điện thoại trên các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 bật lửa màu vàng đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài 11cm, biển số 86S2-2932 và 01 gói nylon màu trắng, có khóa kéo, kích thước khoảng (7,5 x04)cm và 0,4256 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1204, có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B, đây là những dụng cụ dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn H, Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội: ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và tội: ***"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".***

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 8 (tám) năm 9 (chín) tháng tù về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành chung mức án 10 (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 17/9/2024.

2. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội:***"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*** và tội: ***"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".***

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hòa 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 7 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Hòa P chấp hành chung mức án 9 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 17/9/2024.

3. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm tội: ***"Tàng trữ trái phép chất ma túy".***

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 1 (một) năm 3 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 17/9/2024.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sư; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho Nguyễn Thành Đ 01 điện thoại di động hiệu samsung màu đen, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0567658610.

- Trả lại cho Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu realme màu xanh, màn hình cảm ứng, có gắn sim số 0373503370.

- Trả lại cho Trần Quốc L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu trắng, có gắn sim số 0948949129.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 01 bật lửa màu vàng đã qua sử dụng, 01 đoạn ống hút nhựa màu xanh dài 11cm, biển số 86S2-2932; 01 gói nylon màu trắng có khóa kéo, kích thước khoảng (7,5 x04)cm; 0,4256 gam mẫu M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 1204, có chữ ký của giám định viên Đoàn Thảo N1 và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 14/3/2025)

5. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành Đ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn H, Nguyễn Thành Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2025). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc L2 vắng mặt tại phiên tòa nên được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Công an tỉnh Bình Thuận;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
- Phân trại tạm giam khu vực Bắc Bình;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Ngọc